

Số: /TB-VPUBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2022

## THÔNG BÁO

### **Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phạm Thiện Nghĩa tại phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 6 năm 2022**

Thực hiện Chương trình công tác tháng 7 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Chương trình số 34-CTr/TU ngày 31/05/2022); qua ý kiến thảo luận tại phiên họp Ủy ban nhân dân Tỉnh thường kỳ tháng 6 năm 2022, tổ chức vào ngày 08 tháng 7 năm 2022 về đánh giá tình hình kinh tế - xã hội tháng 6, 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2022; sơ kết tình hình thực hiện Bản cam kết hành động năm 2022 trong 6 tháng đầu năm 2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phạm Thiện Nghĩa kết luận như sau:

#### **1. Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội tháng 6, 6 tháng đầu năm 2022**

Trong 6 tháng đầu năm, dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt, tạo điều kiện cho nhiều sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội quan trọng của đất nước, của tỉnh được tổ chức thành công, tạo nên khí thế mới, động lực mới. UBND Tỉnh đã triển khai nhiều chương trình, mục tiêu, đầy khát vọng, điều hành phát triển kinh tế theo kịch bản tăng trưởng từng quý, quyết tâm khôi phục nhanh kinh tế, bứt phá trên các lĩnh vực. Tập trung triển khai **13** nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm với **166** nhiệm vụ, cụ thể hóa **13** Nghị quyết, Kết luận chuyên đề của Tỉnh ủy và mạnh dạn tổ chức nhiều sự kiện: *Lễ hội Sen, Diễn đàn kết nối sản phẩm OCOP cấp vùng, Diễn đàn kết nối du lịch giữa TP. HCM với 13 tỉnh ĐBSCL, ký kết hợp tác với nhiều viện, trường và địa phương...*, tạo tiền đề mang tính chiến lược cho triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đạt được kỳ vọng tích cực trong 6 tháng đầu năm 2022. Kết quả này có được nhờ sự nỗ lực, đoàn kết, vượt khó của các ngành các cấp.

UBND Tỉnh đã sâu sát, chỉ đạo tập trung, đúng chủ trương, phương châm của Chính phủ, Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân Tỉnh. Việc thực hiện 13 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đã đề ra đầu năm rất thiết thực, đúng đắn, phù hợp với bối cảnh và hiệu quả, bảo đảm mục tiêu kép “*vừa phòng, chống dịch COVID-19, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội*”, lấy việc khôi phục đầu tư công và đầu tư tư nhân là mục tiêu đẩy nhanh để trợ lực cho kinh tế - xã hội phục hồi và phát triển. Kết quả sản xuất công nghiệp, thương mại - dịch vụ, xuất khẩu, du lịch, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, giải quyết việc làm là những điểm sáng.

Bên cạnh đó vẫn còn một số mặt chưa đạt được và tiến độ thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu còn chậm so với kỳ vọng<sup>(1)</sup>. UBND Tỉnh đã tiến hành đánh giá và nhận diện đầy đủ những hạn chế khó khăn, những nguyên nhân để chỉ đạo tập trung trong 6 tháng cuối năm.

## **2. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022**

Từ những kết quả đạt được 6 tháng đầu năm và dự báo những vấn đề có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của tỉnh, nhất là diễn biến của dịch COVID-19, giá cả xăng dầu, chi phí sản xuất, sinh hoạt, vận tải vẫn ở mức cao... Trong 6 tháng cuối năm 2022, UBND Tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành và địa phương tập trung thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao, phấn đấu đạt **9,89%** (*Quý III tăng 10,58%, Quý IV tăng 9,24%*), để hoàn thành chỉ tiêu cả năm 2022 đạt **7%**. UBND Tỉnh yêu cầu tập trung thực hiện quyết liệt **15** nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

### **(1) Phòng, chống dịch COVID-19**

*Sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố, đặc biệt là ngành y tế* không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác, tiếp tục tập trung cho nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19. Thực hiện chiến lược tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 cho các đối tượng được chỉ định tiêm theo quy định. Củng cố tuyến cơ sở, nâng cao năng lực điều trị, hạn chế đến mức thấp nhất các ca bệnh nặng, tử vong do Covid-19 và các nguyên nhân khác... Củng cố tinh thần và chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ ngành y tế. Tuyên truyền, nâng cao ý thức phòng, chống dịch của người dân, luôn phòng ngừa ngay khi đã tiêm đủ vắc xin phòng Covid-19.

### **(2) Thực hiện Chương trình hành động năm 2022 của UBND Tỉnh**

*Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND huyện, thành phố* nêu cao tinh thần trách nhiệm trong chỉ đạo, điều hành, tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai các Kế hoạch của UBND Tỉnh thực hiện Kết luận, Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI; Chương trình hành động của UBND Tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, Chương trình hành động của Tỉnh ủy khóa XI năm 2022 và Nghị quyết của HĐND Tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, vốn đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch ngành, lĩnh vực năm 2023. Trong đó:

- *Sở Kế hoạch và Đầu tư* khẩn trương tham mưu UBND Tỉnh hoàn thành nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện **166** nhiệm vụ cụ thể

<sup>(1)</sup> Tại Báo cáo số 148/BC-UBND ngày 17/06/2022 của UBND Tỉnh về Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022

tại Chương trình hành động năm 2022 của UBND Tỉnh, kịp thời báo cáo UBND Tỉnh định kỳ hằng tháng theo quy định.

- *Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Giao thông vận tải; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn* đảm bảo tiến độ tham mưu UBND Tỉnh đánh giá sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết, Kết luận chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh.

### **(3) Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội**

*Sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố* chú trọng công tác dự báo, theo dõi, nắm chắc tình hình, diễn biến trong và ngoài nước liên quan tới các lĩnh vực để chủ động xử lý, giải quyết theo thẩm quyền, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với trường hợp vượt thẩm quyền; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra từ đầu năm 2022, nhất là Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình trên địa bàn Tỉnh. Bảo đảm các gói hỗ trợ tài chính và tiền tệ, chính sách đầu tư của Trung ương và của Tỉnh được phổ biến sâu rộng đến các đối tượng thụ hưởng và nhanh chóng đưa vào trợ lực cho kinh tế phục hồi và phát triển.

### **(4) Triển khai Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025, phát triển sản phẩm OCOP, xây dựng nông thôn mới**

- *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND huyện, thành phố thực hiện tốt các nội dung sau:*

+ Tập trung thực hiện các giải pháp định hướng sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo quy hoạch, kế hoạch; bảo đảm đạt hoặc tiệm cận các điều kiện, tiêu chuẩn nông sản theo phương thức và thông lệ mua bán hàng hoá của thị trường trong nước và quốc tế; rà soát, đánh giá các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế tập thể, làm cơ sở đề xuất ban hành chính sách mới.

+ Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP theo hướng chuẩn hoá quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng, cải tiến bao bì, xây dựng nhãn hiệu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ đăng ký và duy trì mã số vùng trồng và nhà đóng gói để hỗ trợ doanh nghiệp thu mua nông sản đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật phục vụ xuất khẩu; khuyến khích nông dân ứng dụng công nghệ thông tin quảng bá các sản phẩm, đẩy mạnh kênh tiêu thụ qua sàn giao dịch thương mại điện tử.

+ Khuyến khích người sản xuất mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng có giá trị kinh tế cao, tập trung vào khâu nâng cao chất lượng; hướng dẫn sử dụng phân bón hiệu quả theo mùa vụ, áp dụng các biện pháp giảm giá thành, cơ giới hóa.

+ Thực hiện tốt công tác quan trắc môi trường, giám sát dịch bệnh trên động vật và thủy sản, giám sát dư lượng các chất độc hại trên thủy sản xuất khẩu. Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ tư vấn kinh tế tập thể.

+ Tăng tốc triển khai nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và mô hình "*Làng thông minh*". Hoàn thành kế hoạch sản xuất lúa vụ Hè Thu năm 2022, triển khai các biện pháp bảo vệ sản xuất vụ Thu Đông năm 2022 và kế hoạch xuống giống vụ Đông xuân 2022 - 2023.

- *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn* khẩn trương tham mưu UBND Tỉnh hoàn thành các Kế hoạch phát triển ngành hàng chủ lực giai đoạn 2021 - 2025.

**(5) Triển khai Đề án tái cơ cấu ngành Công nghiệp, đẩy mạnh triển khai các hoạt động kết nối cung - cầu, triển khai các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài Tỉnh**

- *Sở Công Thương và UBND huyện, thành phố chủ trì thực hiện các nội dung sau:*

+ Theo dõi sát tình hình phục hồi và tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phục hồi chuỗi cung ứng, tạo năng lực sản xuất mới. Thường xuyên đối thoại, tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; hỗ trợ hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã kết nối tiêu thụ, tiếp cận vốn, nâng cao năng lực ứng dụng thương mại điện tử, tham gia các chương trình đổi mới công nghệ, đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới quy trình sản xuất, tăng cường chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh. Tận dụng tốt các cơ hội mở cửa thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu, tăng cường quản lý nhập khẩu.

+ Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, kêu gọi đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp; các dự án đầu tư vào lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của Tỉnh (*các dự án chế biến sâu, các dự án có giá trị gia tăng cao, công nghiệp hỗ trợ...*); kêu gọi đầu tư phát triển diện tích kết hợp trồng cây nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn Tỉnh hướng tới phát triển nguồn năng lượng xanh, sạch cùng với phát triển kinh tế của địa phương.

- *Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung tâm xúc tiến Thương mại - Du lịch và Đầu tư và UBND huyện, thành phố* tập trung thúc đẩy phát triển du lịch trong điều kiện bình thường mới theo tinh thần "*thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19*". Tăng cường truyền thông, giới thiệu điểm đến, khai thác hiệu quả mùa du lịch hè, du lịch gắn với tổ chức sự kiện lớn trên địa bàn

Tỉnh. Củng cố và cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch tại các khu, điểm du lịch trọng điểm, gắn với hỗ trợ khôi phục và phát triển du lịch cộng đồng.

#### **(6) Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên các lĩnh vực**

**- Sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố thực hiện các nội dung sau:**

+ Tập trung triển khai các giải pháp cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh (*PCI, DDCI*), chỉ số cải cách hành chính (*PAR INDEX*), chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính chính công cấp Tỉnh (*PAPI*) năm 2021, khắc phục khắc phục những điểm yếu, tồn tại.

+ Tăng cường xúc tiến, kêu gọi đầu tư và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các cam kết đầu tư. Phải chú trọng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước để nhà đầu tư triển khai xây dựng đảm bảo tiến độ; đặc biệt tiếp tục quan tâm thu hút các nhà đầu tư, các tập đoàn lớn đang khảo sát tìm cơ hội đầu tư vào địa bàn Tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư tiếp cận về tín dụng, đất đai, thị trường.

+ Tiếp tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ và thúc đẩy khởi nghiệp trên địa bàn Tỉnh. Củng cố hoạt động các Hội quán, phát triển mới hợp tác xã.

- **Sở Kế hoạch và Đầu tư** tiếp tục chủ trì rà soát, tham mưu UBND Tỉnh ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; triển khai Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2021 - 2025; hoàn thành nhiệm vụ tham mưu UBND Tỉnh quy trình thủ tục và xây dựng Không gian khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo Tỉnh, sớm đưa vào vận hành năm 2022.

- **Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến Thương mại Du lịch và Đầu tư** khẩn trương triển khai các nhiệm vụ, tham mưu UBND Tỉnh tổ chức thành công Hội nghị Xúc tiến Đầu tư tỉnh Đồng Tháp năm 2022.

#### **(7) Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực**

**- Sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố thực hiện các nội dung sau:**

+ Cân đối thu - chi ngân sách, giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển.

+ Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công nói chung, vốn ODA; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm 2022 và những năm tiếp theo. Khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới trong năm 2022, trung hạn 2021 - 2025, kiểm soát tốt tiến độ dự án đầu tư công, chấn chỉnh các trường hợp chậm tiến độ do chủ quan, phải nghiêm túc rút kinh nghiệm, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan, trên cơ sở đó đề ra giải pháp xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn và đẩy nhanh tiến độ giải ngân đi

đôi với bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn, bảo đảm tỷ lệ giải ngân đạt 100% trong năm 2022. Trong quý IV năm 2022, các công trình trung hạn hoàn thành hồ sơ và triển khai đạt ít nhất 50% tổng số công trình, dự án.

+ Tập trung triển khai các dự án trọng điểm như: Dự án tuyến đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, Mỹ An - Cao Lãnh. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021 - 2025, vốn đầu tư thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm giải ngân hết số vốn được giao, không để phát sinh tham nhũng, tiêu cực, lãng phí nguồn lực.

- **Sở Xây dựng** đẩy nhanh tiến độ tham mưu UBND Tỉnh đầu tư hệ thống cung cấp nước sạch giai đoạn 2021 - 2025 và xây dựng quy chế quản lý kiến trúc đô thị tại 03 thành phố (*Cao Lãnh, Sa Đéc và Hồng Ngự*).

### **(8) Công tác giáo dục và đào tạo**

- **Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND huyện, thành phố** tập trung triển khai công tác chuẩn bị cho năm học 2022 - 2023 bảo đảm khung chương trình và chất lượng, tổ chức nghiêm túc, an toàn các kỳ thi tuyển sinh trên địa bàn Tỉnh, nhất kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022.

- **Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND huyện, thành phố** tăng cường kết nối cung cầu lao động; thực hiện phần mềm quản lý dữ liệu về lao động, việc làm, cung - cầu lao động trên địa bàn Tỉnh theo quy định, triển khai các hoạt động hỗ trợ, đào tạo nghề, kết nối với doanh nghiệp để giới thiệu việc làm, tăng cường vận động người dân tham gia Chương trình đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo phương châm “*Đi làm thuê về làm chủ*”. Xây dựng mô hình đào tạo nghề phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, ưu tiên các nghề trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, cơ giới hóa đồng bộ, chế biến, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chứng nhận an toàn; nghề về quản trị trang trại, doanh nghiệp, hợp tác xã và các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

### **(9) Chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội**

- **Sở Y tế và UBND huyện, thành phố** quan tâm nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, chất lượng dân số. Tuyên truyền và vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Tập trung thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch sốt xuất huyết. Đánh giá sát những nguyên nhân làm gia tăng dịch bệnh sốt xuất huyết, báo cáo UBND Tỉnh (thông qua Sở Y tế) gắn với trách nhiệm của từng cấp.

- **Sở Lao động - Thương binh, Xã hội và UBND huyện, thành phố** bảo đảm thực hiện chính sách an sinh xã hội, chính sách với người có công; chú trọng chăm lo, hỗ trợ cho các đối tượng cơ nhỡ, yếu thế bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, triển khai hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ (*thay Nghị định 136*). Chủ động nắm bắt tình hình tranh chấp lao động để có giải pháp hỗ trợ xử lý kịp thời, hiệu quả, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của người lao động. Giải quyết việc làm, hoàn thành chỉ tiêu giải quyết việc làm, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tập trung triển khai Kế hoạch số 61-KH/TU ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

- **Bảo hiểm xã hội Tỉnh** tiếp tục vận động người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2022 đạt **13,99%**.

### **(10) Công tác văn hóa, thể thao và du lịch**

- **Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch và UBND huyện, thành phố** thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền về truyền thống lịch sử, văn hoá, cách mạng của dân tộc thông qua các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước và của tỉnh. Khôi phục phong trào thể dục, thể thao trong cộng đồng, trường học, thể thao thành tích cao.

- **Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch** sớm tham mưu UBND Tỉnh ban hành và triển khai Đề án phát triển du lịch góp phần tạo dựng hình ảnh tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022 - 2025 và Đề án đầu tư thiết chế văn hoá, thể thao tỉnh Đồng Tháp giai đoạn năm 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; tổ chức Đại hội thể dục thể thao tỉnh Đồng Tháp lần thứ IX - Năm 2022 và tham dự tốt Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ IX - Năm 2022.

### **(11) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước**

- **Sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố thực hiện các nội dung sau:**

+ Tập trung hoàn thiện các chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính; sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

+ Tập trung chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ Nhân dân với trọng tâm đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính, xây dựng “Chính quyền điện tử” thông qua hình thức số hóa nhằm giảm bớt số lượng, thời gian, chi phí thực hiện các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, người dân nhất là các thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

+ Khẩn trương rà soát đánh giá hạn chế, yếu kém trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương để rút kinh nghiệm, đề ra giải pháp khắc phục hữu hiệu hướng đến nâng cao sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của chính quyền.

- **Văn phòng UBND Tỉnh** khẩn trương tham mưu UBND Tỉnh tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện Đề án thí điểm chuyển giao các nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công lồng ghép với đánh giá kết quả triển khai các mô hình cải cách hành chính trên địa bàn Tỉnh.

### **(12) Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường**

- **Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện, thành phố** tăng cường công tác quản lý khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên, khoáng sản. Thúc đẩy triển khai các mô hình thu gom rác thải ở khu vực nông thôn, tăng cường bảo vệ môi trường ở các khu, cụm công nghiệp, cơ sở y tế và trong sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND huyện, thành phố** chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

### **(13) Thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; tiếp công dân và giải quyết khiếu nại**

**Sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố thực hiện các nội dung sau:**

- Tiếp tục đấu tranh phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, nhất là liên quan tới công tác phòng chống dịch, giá cả nguyên vật liệu, xăng dầu.

- Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; nắm chắc tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn; giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng quy định các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ mới phát sinh, không để trở thành điểm nóng.

- Chỉ đạo kiểm tra, rà soát, giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.

### **(14) Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và đối ngoại**

- **Công an Tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự Tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Tỉnh, Ban An toàn giao thông Tỉnh và UBND huyện, thành phố:** tiếp tục sâu sát, nắm chắc tình hình, triển khai đồng bộ các chủ trương, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Chỉ đạo bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; tăng cường tuần tra, kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng ngừa cháy nổ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Mở đợt cao điểm tấn công tội phạm và bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong dịp Lễ lớn. Tiếp tục quán triệt, nghiêm túc triển khai các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của các Ban Chỉ đạo 138, 389 quốc gia trong công tác phòng, chống tội phạm, buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Chú trọng bảo đảm an ninh khu vực biên giới.

- **Sở Ngoại vụ** tiếp tục tham mưu UBND Tỉnh các giải pháp tăng cường công tác đối ngoại, quản lý công tác đoàn ra, đoàn vào.



**(15) Phát huy sức mạnh đại đoàn kết, nắm bắt dư luận và tạo sự đồng thuận của xã hội**

**Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Tỉnh** tiếp tục phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết, huy động người dân, đoàn viên, hội viên chung sức phấn đấu, tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo niềm tin và động lực tham gia sản xuất, kinh doanh góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh trong 6 tháng cuối năm 2022. Các cơ quan truyền thông đưa tin, phản ánh kịp thời, đầy đủ và chính xác tình hình kinh tế - xã hội, các chủ trương của Đảng, chính sách của Tỉnh, nhất là những vấn đề dư luận quan tâm để tuyên truyền, định hướng dư luận và tạo sự đồng thuận cao của xã hội.

Chủ tịch UBND Tỉnh yêu cầu Thủ trưởng Sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND huyện, thành phố trực tiếp chỉ đạo công tác triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2022 nêu trên ngay trong tháng 7/2022, điều hành và đánh giá kết quả thực hiện định kỳ hằng tháng, Quý, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ, cam kết đã đề ra đầu năm.

Văn phòng UBND Tỉnh truyền đạt ý kiến kết luận nêu trên đến Quý cơ quan, đơn vị, địa phương biết, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- TT/TU; TT/HĐND;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Tỉnh
- CT và các PCT/UBND Tỉnh;
- CQ chuyên môn và CQ thuộc UBND Tỉnh (t/h)
- UBND huyện, thành phố (t/h);
- Ngân hàng NNVN CN Tỉnh; BCH BĐBP Tỉnh;
- Cục TK; Cục Thuế; Cục Hải quan;
- Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- NC/VPUBND Tỉnh (theo dõi tham mưu);
- Lưu VT, THVX (Thư).

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Nguyễn Công Minh**

**Phụ lục 1**  
**KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ (GRDP) 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022 THEO TỪNG QUÝ**  
*(Kèm theo Thông báo số /TB-VPUBND ngày / /2022 của Văn phòng UBND Tỉnh)*

-----

STT	CHỈ TIÊU	Phân theo từng giai đoạn							CẢ NĂM
		Quý I	Quý II	6 tháng đầu năm	Quý III	9 tháng đầu năm	Quý IV	6 tháng cuối năm	
<b>I</b>	<b>TĂNG TRƯỞNG GRDP (%)</b>								
	<b>Tốc độ tăng trưởng</b>	<b>100,94</b>	<b>107,87</b>	<b>103,83</b>	<b>110,58</b>	<b>106,17</b>	<b>109,24</b>	<b>109,89</b>	<b>107,00</b>
	- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	98,2	103,44	99,55	105,38	101,84	109,63	107,26	103,70
	- Khu vực công nghiệp - xây dựng	105,76	108,36	107,09	117,36	110,17	108,68	112,32	109,73
	TĐ: + Công nghiệp	105,86	108,75	107,32	117,58	110,51	107,61	111,94	109,68
	+ Xây dựng	105,32	106,66	106,02	115,95	108,44	113,38	114,27	110,00
	- Khu vực thương mại - dịch vụ	101,45	109,49	105,45	112,77	107,86	109,30	110,86	108,27
	TĐ: + Thuế sản phẩm	104,92	105,66	105,31	109,83	106,88	116,59	113,59	109,83
<b>II</b>	<b>Giá trị GRDP (Giá so sánh - triệu đồng)</b>								
	<b>Năm 2022</b>	<b>15.654.301</b>	<b>11.999.283</b>	<b>27.652.584</b>	<b>15.606.482</b>	<b>43.259.066</b>	<b>16.547.672</b>	<b>32.154.154</b>	<b>59.806.738</b>
	- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	6.678.486	2.434.386	9.112.872	6.254.787	15.367.659	5.175.080	11.429.867	20.542.739
	- Khu vực công nghiệp - xây dựng	3.424.259	3.644.243	7.068.502	3.321.614	10.390.116	4.248.041	7.569.655	14.638.157
	TĐ: + Công nghiệp	2.830.100	2.983.381	5.813.481	2.878.330	8.691.811	3.431.186	6.309.516	12.122.997
	+ Xây dựng	594.159	660.862	1.255.021	443.284	1.698.305	816.855	1.260.139	2.515.160
	- Khu vực thương mại - dịch vụ	5.550.556	5.920.654	11.471.210	6.030.081	17.501.291	7.124.551	13.154.632	24.625.842
	TĐ: + Thuế sản phẩm	872.831	971.884	1.844.715	1.024.587	2.869.302	1.366.015	2.390.602	4.235.317



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
							Kịch bản 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6 tháng năm 2022 (%)	6 tháng cuối năm	Cả năm 2022
-	Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Tỷ đồng	1.007	474	1.978	3.375		1.110	110,27	234,32		1.687	3.526
-	Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương và tinh giản biên chế)	Tỷ đồng	3.604	3.678	9.573	9.141		4.424	122,73	120,27		4.570	9.169
<b>2</b>	<b>Chỉ số giá tiêu dùng</b>												
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ đô thị hoá</b>	%	36,5	38,0	38,5	39,0	(Không đạt mục tiêu)	38,8				39,0	39,0
<b>II</b>	<b>TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ</b>												
<b>1</b>	<b>- Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá 2010)</b>	%	<b>6,54</b>	<b>4,44</b>	<b>2,22</b>	<b>7,00</b>	<b>6,71</b>	<b>3,83</b>				<b>9,89</b>	<b>7,00</b>
	+ Nông - lâm - thủy sản	%	2,82	2,73	3,14	3,70	1,39	-0,45				7,26	3,70
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	10,29	4,69	2,09	9,00	8,87	7,09				12,32	9,73
	. Công nghiệp	%	10,65	4,63	2,54	9,20	8,48	7,32				11,94	9,68
	. Xây dựng	%	8,62	4,97	-0,05	8,03	10,72	6,02				14,27	10,00
	+ Thương mại - dịch vụ	%	7,58	5,73	1,50	8,70	9,77	5,45				10,86	8,27





TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
							Kịch bản 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6 tháng năm 2022 (%)	6 tháng cuối năm	Cả năm 2022
	+ Cam, chanh, quýt	ha	7.734	7.600	8.000	8.270		7.622	98,55	100,29		7.740	7.740
		Ngìn tấn	95	74,591		161		75,504	79,21	101,22		82,504	161,007
	+ Nhãn	ha	4.761	5.500	5.600	5.750		4.612	96,87	83,85		4.700	4.700
		Ngìn tấn	25	37	55,717	58,659		31,986	127,94	85,73		19,357	58,659
	+ Xoài	ha	9.648	12.500	13.688	14.222		13.912	144,20	111,30		14.222	14.222
		Ngìn tấn	76	96,652	134,570	147,446	97,044	101,738	133,08	105,26	104,84	44,234	147,446
2.5.	<i>Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu</i>												
-	Đàn trâu	con	3.038	3.837	4.797	5.211		3.712	122,19	96,74		4.318	5.667
-	Đàn bò	con	49.542	55.258	74.564	76.810		57.982	117,04	104,93		62.300	81.840
-	Đàn heo	con	607.804	230.010	460.378	499.654		249.689	41,08	108,56		346.587	481.868
-	Đàn gia cầm	1.000 con	7.556	7.985	10.820	11.292		9.607	127,14	120,31		8.345	11.495
	Trong đó, tổng đàn vịt lữ kế	1.000 con	38.494	5.178	6.632	7.360	5.300	5.357	13,92	103,46	101,08	5.442	7.117
<b>3</b>	<b>Thủy sản</b>												
-	Tổng sản lượng thủy sản	Ngìn tấn	310	315,302	603,288	616,150		333,148	107,33	105,66		366,350	631,150





TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
							Kịch bản 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6 tháng năm 2022 (%)	6 tháng cuối năm	Cả năm 2022
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	106,73	102,99	91,21								
	- Sản xuất và phân phối điện	Tỷ đồng	115,36	113,48	102,65								
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	115,84	105,43	104,88								
<b>3</b>	<b>Một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu</b>												
	- Cát khai thác	1000 m <sup>3</sup>	3.946	3.081	2.352	6.700	3.384	4.745	120,25	154,01	140,22	5.000	9.745
	- Thủy sản chế biến ( <i>cá phiê đông lạnh</i> )	tấn	166.758	172.133	321.272	300.000	151.500	205.880	123,46	119,61	135,89	200.000	405.880
	- Gạo xay xát, lau bóng	nghìn tấn	1.568	612,248	2.874	2.500	1.263	692,291	44,15	113,07	54,81	1.800	2.492
	- Miến, hủ tiếu, bánh tráng và các loại tương tự	tấn	8.470	9.476	18.078	17.500	8.838	12.606	148,83	133,03	142,63	12.500	25.106
	- Thức ăn gia súc, thủy sản	Nghìn tấn	958,9	960,6	1.631,3	2.050	1.035,3	848,2	88,45	88,30	81,93	900	1.748,2
	- Thuốc lá điếu có đầu lọc	1000 gói	33.572	17.287	43.039	46.000	23.230	29.769	88,67	172,20	128,15	30.000	59.769
	- Sản phẩm may	1000 cái	3.988	4.328	8.568	7.000	3.535	3.954	99,15	91,36	111,85	4.000	7.954
	- Thuốc viên các loại	tr.viên	975	907	2.035	1.700	859	591	60,62	65,16	68,80	700	1.291
	- Các bộ phận của dây dép bằng da, tấm lót bên trong có thể tháo rời ...	1000 đôi	607	2.235	1.788	3.500	1768,00	2.280	375,62	102,01	128,96	2.300	4.580
	- Bia	100 lít	5.137	10.747	20.581	20.000	10.100	10.981	213,76	102,18	108,72	11.000	21.981

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
							Kịch bản 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6 tháng năm 2022 (%)	6 tháng cuối năm	Cả năm 2022
<b>V</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ</b>												
	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (theo giá hiện hành)</b>	Tỷ đồng	<b>46.721</b>	<b>49.710</b>	<b>94.195</b>	<b>104.150</b>	<b>50.513</b>	<b>54.671</b>	<b>117,02</b>	<b>109,98</b>	<b>108,23</b>	<b>55.000</b>	<b>109.671</b>
	- Bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	36.845	41.063	75.443	87.543		45.002	122,14	109,60		45.291	90.293
	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	6.540	7.457	12.296	11.600		8.381	128,14	112,39		8.400	16.781
	- Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	25	9	17	7		8	32,98	92,54		9	17
	- Dịch vụ khác	Tỷ đồng	3.311	1.182	6.439	5.000		1.280	38,64	108,23		1.300	2.580
<b>VI</b>	<b>XUẤT, NHẬP KHẨU</b>												
<b>1</b>	<b>Tổng kim ngạch xuất khẩu (Không tính xăng dầu tạm nhập, tái xuất)</b>	triệu USD	<b>475</b>	<b>529,05</b>	<b>1.098</b>	<b>1.185</b>	<b>580,7</b>	<b>834,03</b>	<b>175,59</b>	<b>157,65</b>	<b>143,64</b>	<b>850,00</b>	<b>1.684,0</b>
	<i>Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:</i>												
	- Thủy sản chế biến	triệu USD	364,7	347,34	723,55	766		594,4	162,99	171,12		605,65	1.200,00
	- Gạo	triệu USD	50,2	57,02	163,50	165		85,51	170,26	149,96		89,49	175,00
	- Bánh phồng tôm, bánh kẹo, ngũ cốc	triệu USD	7,9	8,45	16,12	18		9,65	121,63	114,14		9,35	19,00
	- Sản phẩm ngành may	triệu	24,5	49,44	114,37	125		85,32	347,68	172,57		84,68	170,00



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
							Kịch bản 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6 tháng năm 2022 (%)	6 tháng cuối năm	Cả năm 2022
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	64,25	70,20	71,80	73,6		72,13					73,60
	Trong đó, đào tạo nghề	%	46,20	51,44	51,40	52,8		51,65					52,80
3	Giảm tỷ lệ hộ nghèo ( <i>theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025</i> )	%			0,57	1,0						0,4	0,4
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo chiều cao ( <i>kết quả cân của Tỉnh</i> )	%	17,09	16,61	16,07	16,41		16,07				16,41	16,41
5	Số giường bệnh/vạn dân	GB	25,9	28,3	29,0	29,1		29,0	111,97	102,47		29,1	29,1
	Trong đó, giường bệnh công lập	GB	23,8	26,0	26,1	26,2		26,1	109,66	100,38		26,2	26,2
6	Số bác sĩ/vạn dân	BS	8,86	9,10	9,31	9,6		9,31	105,08	102,31		9,6	9,6
7	Tỷ lệ dân số tham gia Bảo hiểm y tế	%	82,66	90,82	92,42	92		91,04				92	92
8	Số xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới	xã			97	107		6				6	109

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
							Kịch bản 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6 tháng năm 2022 (%)	6 tháng cuối năm	Cả năm 2022
	Trong đó:												
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	xã			0	21		10				16	26
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	xã			0	1		0					1
9	Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Đơn vị			5	8		0					8
10	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	11	3	4	7		3	27,27	100,00		4	7
11	Số hội quán	Hội quán		112	115			116					
12	Tỷ lệ đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi		10,54	12,05	11,85	13,99		12,20				1,79	13,99
	Tỷ lệ đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	10,03	9,95	9,72	10,78		10,10				0,68	10,78
	Tỷ lệ đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	0,51	2,10	2,13	3,21		2,50				1,11	3,21

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
							Kịch bản 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6 tháng năm 2022 (%)	6 tháng cuối năm	Cả năm 2022
13	Tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	8,75	8,98	8,76	9,76		9,15				0,61	9,76
14	Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	98,6	99,0	99,2	99,4	(Không đạt mục tiêu)	99,2				99,4	99,4
15	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch	%			86	88		86					88
16	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý	%	75	82	84	86		85				86	86
17	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	80	83	85	92		88				92	92
<b>VII</b>	<b>PHỤC HỒI SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ (TỰ NHÂN &amp; ĐẦU TƯ CÔNG)</b>												
<b>I</b>	<b>Về phát triển doanh nghiệp</b>						(Không đạt mục tiêu)						
	Số doanh nghiệp thành lập mới	DN	252	304	490	630		390	154,76	128,29		300	690
	Tổng vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới	Tỷ đồng	2037	2.535	4.248			3.000	147,28	118,34		2400	5.400
	Doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động	DN	116	155	219			170	146,55	109,68		50	220
	Doanh nghiệp giải thể	DN	64	122	486			70	109,38	57,38		50	120

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
							Kịch bản 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6 tháng năm 2022 (%)	6 tháng cuối năm	Cả năm 2022
	Doanh nghiệp hoạt động trở lại	DN	65	103	160			130	200,00	126,21		40	170
<b>2</b>	<b>Đầu tư tư nhân</b>												
	Tổng số hồ sơ dự án tiếp nhận	hồ sơ	55	76	86			47	85,45	61,84			
	Số dự án cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Dự án	18	13	20	25	-	10	55,56	76,92	-	16	25
	Tổng vốn đăng ký đầu tư	Tỷ đồng	1.632	835	3.345	3.345	-	1.216	74,51	145,63	-	2.129	3.345
	Trong đó, số dự án FDI	Dự án	-	1	3	-	-	-	-	-	-	-	-
	.Tổng vốn	triệu USD	-	93	1.045	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>Tình hình thực hiện Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022</b>												
	Tổng kế hoạch vốn đã phân khai	Tỷ đồng	3.348	4.929	4.942	4.891		4.891	146,10	99,23		4.891	4.891
	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	588	806	3.784	4.891		1.408	239,53	174,61		3.483	4.891
	Tỷ lệ giải ngân	%	17,56	16,36	76,56	100		28,79				71,21	100
<b>4</b>	<b>Phục hồi và đẩy nhanh tiến độ xây dựng công trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước</b>	công trình											
	Tổng số công trình đến thời điểm báo cáo (30/6/2022)							<b>1.100</b>					

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022		
							Kịch bản 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6 tháng năm 2022 (%)	6 tháng cuối năm	Cả năm 2022	
	+ Các công trình đang hoàn thiện thủ tục	công trình						396						100% công trình triển khai thi công
	+ Các công trình đang thi công	công trình						551						
	+ Các công trình đang tạm ngưng thi công	công trình						2						